

Số: 1610 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 30 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH MTV Thêu Lâm Thiên Bình tại Văn bản số 02/GĐN ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 01/GT-TLTB ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại, khách sạn và dịch vụ tại khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5304./TTr-STNMT ngày 29 / 8 /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thêu Lâm Thiên Bình, địa chỉ tại số 2/47, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại, khách sạn và dịch vụ tại khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

- 1.1. Tên Dự án: Tổ hợp trung tâm thương mại, khách sạn và dịch vụ.
- 1.2. Địa điểm Dự án: khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp số 3701492933, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 5 năm 2018.
- 1.4. Mã số thuế: 3701492933.
- 1.5. Loại hình Dự án: công trình dân dụng, cấp II
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.6.1. Quy mô: nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.2. Tổng diện tích đất sử dụng: 974,8 m².

1.6.3. Công suất: tầng cao xây dựng công trình khách sạn gồm 09 tầng (trong đó có 01 tầng được thiết kế như tầng lửng để sử dụng vào mục đích làm tầng kỹ thuật) và 01 tầng bán hầm, tổng chiều cao xây dựng không vượt quá chiều cao công trình MB Tây Ninh hiện hữu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thêu Lâm Thiên Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thêu Lâm Thiên Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND Phường 1, thành phố Tây Ninh thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Tây Ninh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án thuộc Công ty được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *ll*

Nơi nhận: *ll*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Tây Ninh;
- Công ty TNHH MTV
- Thêu Lâm Thiên Bình;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

ll

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1610/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên và khách lưu trú, lưu lượng 29,31 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực bếp ăn lưu lượng 18,27 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động giặt quần áo lưu lượng 23,51 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 04: Nước thải từ vệ sinh sàn lưu lượng 5,79 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

01 dòng nước thải gồm: Nguồn số 01, 02 sau khi xử lý sơ bộ và nguồn số 03, 04 với tổng lưu lượng 76,88 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất 90 m³/ngày.đêm để xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số k=1,0.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, hệ số k=1,0 được đầu nối vào mạng lưới thoát nước chung của khu vực tại hố ga trên đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1251 274.04; Y = 564 954.85 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải: Hố ga thoát nước thải (thiết kế điểm xả nước thải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 76,88 m³/ngày.đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả thải: liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung của khu vực đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, hệ số $k=1,0$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	TSS	mg/l	50		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
5	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
7	Tổng Coliform	MNP/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên và khách lưu trú được thu gom về bể tự hoại dung tích 26 m³, đặt âm sàn tầng bán hầm sau đó theo đường ống nhựa PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất 90 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực bếp ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ dung tích 21 m³ đặt âm sàn tầng bán hầm sau đó theo đường ống nhựa PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất 90 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động giặt ủi của khách sạn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất 90 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất 90 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và dịch vụ phát sinh tại Dự án với lưu lượng lớn nhất $76,88 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý theo phương án nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, hệ số $k=1,0$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ bể tự hoại 3 ngăn $\rightarrow$ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Số lượng và dung tích: 01 bể tự hoại có thể tích thiết kế 26 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý sơ bộ nước thải nấu ăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nấu ăn $\rightarrow$ bể tách dầu mỡ $\rightarrow$ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Số lượng và dung tích: 01 bể tách dầu mỡ có thể tích thiết kế 21 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Công trình xử lý nước thải tập trung của Dự án:

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải $\rightarrow$ bể tách mỡ $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể Anoxic $\rightarrow$ bể Aerotank $\rightarrow$ bể MBR $\rightarrow$ bể khử trùng.

- Công trình, thiết bị xử lý nước:

+ 01 (một) bể tách mỡ có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, thể tích 15 m^3 .

+ 01 (một) bể điều hòa có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, thể tích $41,25 \text{ m}^3$.

+ 01 (một) bể Anoxic có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, thể tích $18,75 \text{ m}^3$.

+ 01 (một) bể Aerotank có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, thể tích 40 m^3 .

+ 01 (một) bể MBR có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, thể tích 14 m^3 .

+ 01 (một) bể khử trùng có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, thể tích $5,6 \text{ m}^3$.

- Công suất thiết kế: $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.
- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng, lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Thực hiện các biện pháp xử lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Từ ba (03) đến sáu (06) tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Một (01) hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 90 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và một (01) mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD₅, TSS, Amoni (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliform.
- Giá trị giới hạn: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số k=1,0.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu xả thải theo quy định tại cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số $k=1,0$, không xả trực tiếp nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

3.6. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số $k=1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*Kèm theo Giấy phép môi trường số 1610/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 750 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Dòng khí thải:**

Dòng khí thải số 01: tại ống thoát khí thải của nguồn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: $X = 564\ 899, Y = 1251\ 266$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.2. Vị trí xả khí thải:

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án tại đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Lưu lượng xả khí thải, bụi lớn nhất:

Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất $800\text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường thông qua ống xả, xả liên tục khi hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p=1,0$ và $K_v= 1,0$. Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CO		1000		
3	SO ₂		500		
4	NO ₂		850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Nguồn số 01: lắp đặt ống thải cho máy phát điện dự phòng công suất 750 KVA (Sử dụng nhiên liệu dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện), ống thải cao 6m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Không lắp đặt hệ thống xử lý do Công ty sử dụng nhiên liệu dầu DO, khí thải tại nguồn số 01 xả ra môi trường qua ống thoát khí thải cao 6,0m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn máy phát điện dự phòng.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*Kèm theo Giấy phép môi trường số 1610/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí số 01 (tương đương nguồn số 01): $X = 564\ 899, Y = 1251\ 266$.
- Vị trí số 02 (tương đương nguồn số 02): $X = 564\ 933, Y = 1251\ 276$.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách theo quy định.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu độ rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm độ rung có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo, cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*Kèm theo Giấy phép môi trường số 1610/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Pin - ắc quy thải	16 01 12	Rắn	4 kg
2	Các linh kiện điện tử, thiết bị điện (có chứa tụ điện, công tắc chứa thủy ngân...)	16 01 13	Rắn	1 kg
3	Giẻ lau dính dầu, sơn	18 02 01	Rắn	3 kg
4	Dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng	15 01 05	Lỏng	2 kg
5	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	3 kg
Tổng cộng				13 kg

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước.	12 06 11	Bùn	0,07
2	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp khác với các loại trên.	12 06 12	Bùn	3,46
Tổng cộng				3,53

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	102
Tổng khối lượng		102

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Chất thải nguy hại khác nhau sẽ được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín khác nhau, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với thiết bị lưu chứa ở dạng lỏng, trên mỗi thùng chứa có dán nhãn tên để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích chứa 240 lít.

2.2.2. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 12 - 240 lít.

2.3.2. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lòng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Kèm theo Giấy phép môi trường số 1610/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải dịch vụ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số $k=1,0$. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Thiết kế, lắp đặt và vận hành trang thiết bị phục vụ hoạt động Dự án đảm bảo bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án trước khi xả thải ra môi trường đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số $K_q=1,0$ và $K_v=1,0$; các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT; đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm

soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

6. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

8. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

12. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

13. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./